

Bóng Hoàng Y

Thích Như Điền

Kể từ thời Đức Phật còn tại thế, giáo đoàn của Ngài rất đông; ít nhất là cũng 1.250 vị. Trong đó đa phần là đệ tử của Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên và 3 anh em Ngài Ca Diếp. Chỉ có những vị dẫn đầu này là quy y với Phật. Sau đó đệ tử của họ mới tiếp tục nối bước theo Thầy mình. Trước khi họ đến với Phật, họ là ngoại đạo, có lẽ trên mình họ đã chẳng khoác những mảnh y vàng.

Thế mà từ đó về sau, chư Tăng Ni của Ấn Độ đều mặc y vàng khi đi khất thực cũng như lúc ở Chùa, Tịnh xá. Theo trong nhiều bộ luật như: Tứ Phần Luật, Ngũ Phần Luật, Thập Tụng Luật, Pali Luật v.v... Phật đã chế là y áo của Tăng Ni nên mặc theo màu hoại sắc. Thế nào là hoại sắc? Nghĩa là một màu không đẹp như những màu thuần chất khác. Phải nhuộm đi, dầu màu ấy là màu gì. Phật dạy nên lấy vải của thầy những người chết, bện lại và giặt đi cũng như nhuộm đổi màu khác. Sau đó hãy dùng. Như thế, ta có thể hiểu rằng màu hoại sắc là màu không thuần màu trắng, không thuần màu đen và ngay cả màu vàng.

Nhưng lý do nào mà chư Tăng Ni từ ấy đến nay đã hơn 2.500 năm lịch sử truyền thừa, dầu Nam Tông hay Bắc Tông, dầu Tây Tạng hay Trung Hoa. Dầu Nhật Bản hay Đại Hàn, Việt Nam v.v... đâu đâu cũng đều khoác y vàng khi làm lễ ?

Có lẽ, chỉ có lẽ thôi, chứ chưa hẳn đã chắc chắn. Vì đây chỉ là theo sự suy đoán của người viết. Vì trong cuộc đời của Đức Phật đã có 2 lần hiện lên toàn thân là sắc vàng. Đó là sau khi Phật thành đạo và trước khi Phật nhập Đại Bát Niết Bàn. Do vậy mà chúng ta thường thấy đa phần những tượng Phật của bất cứ nước nào trên thế giới đều thếp vàng để nói lên những ý nghĩa trọng đại trong cuộc đời của Ngài.

Rồi từ đó, hình ảnh tâm thân màu vàng, chiếc áo vàng ấy đã trở thành biểu tượng của chư Tăng Ni và cứ thế mà đời này qua đời khác đã kế thừa để lưu giữ mạng mạch của Phật Giáo. Dĩ nhiên sau này chư vị Tổ Sư có chia ra các loại y riêng biệt như hạ y, trung y và thượng y, dùng để mặc trong lúc nào. Tuy nhiên thời Phật và ngay cả những vị Sư Nam Tông ngày nay đa phần chỉ dùng 3 y một lúc kể cả lúc ăn, ngủ, làm lễ cũng chỉ một loại; nhưng thượng y, trung y và hạ y được kể như 3 y gồm một đắp lên trên người, một mặc phần trên thân thể và y còn lại gọi là hạ y mặc phía dưới. Tất cả đều màu vàng.

Màu vàng ấy tượng trưng cho màu giải thoát, giác ngộ, nên kể từ đó cho đến nay, từ mạn y của Sa Di, Sa Di Ni, cho đến y 25 điều gồm 100 miếng vải, tất cả cũng đều dùng màu vàng. Có vài nước đắp y màu tím như Nhật, hoặc nâu như Đại Hàn, màu đỏ như Trung Quốc. Tuy nhiên màu vàng vẫn là màu đa phần được thấy chư Tăng Ni đắp lên người khi tham dự Hội Nghị, Lễ Phật Đản, Vu Lan hay những lễ hội quan trọng trong ngày, trong năm tại chùa cũng như những nơi công cộng.

Kể từ khi Phật Giáo được truyền sang Trung Quốc cũng đã có những ông Vua, bà Hoàng Hậu, Công Chúa, Thái Tử, Đại Thần, Tể Tướng của triều đình v.v... đã đổi hoàng bào, áo ngự hàn của vương tộc để lấy chiếc hoàng y, khoác lên mình làm thân đạo sĩ để tiếp tục chí nguyện phát tâm Bồ Đề, hành Bồ Tát đạo, mà nơi chốn hoàng cung việc này khó thể thực hiện vẹn toàn.

Rồi đạo Phật đến Việt Nam cũng thế, đạo Phật đã mang lại cho con người nói chung và từng giai cấp đặc biệt trong xã hội nói riêng có một chỗ đứng rõ ràng khi về với Phật Đạo. Nghĩa là: "Không có sự phân biệt giai cấp và tôn giáo khi trong máu người cùng đỏ và nước mắt người cùng mặn". Do vậy mà bóng hoàng y ấy đã quyện vào lòng người, xây nên tự chủ của dân tộc, khiến cho vua quan và nhân dân trăm họ được thấm nhuần tự cố chí kim. Kể từ khi Đạo Phật đến đất nước ta cho đến bây giờ, gần 2.000 năm lịch sử; nếu Phật Giáo không làm phong phú cho nền văn hóa của dân tộc thì thôi, chứ quyết rằng Phật Giáo đã chẳng có gì làm hại cho dân tộc Việt Nam ở trên mọi phương diện. Ngay cả các nước khác trên thế giới ngày nay khi có sự hiện diện của Phật Giáo cũng chỉ thế thôi.

Ở xứ Đức này, khi mới đặt chân đến đây tôi cũng rất ngỡ ngàng và tôi không nghĩ rằng bóng hoàng y của chư Tăng Ni có thể tồn tại và phát triển ở đây lâu dài, mà ngược lại sau 27 năm hoạt động Phật sự ở xứ này, tôi thấy hoàn toàn trái ngược lại. Ngày ấy tôi nghĩ, ở xã hội Âu Mỹ đầy những cám dỗ về vật chất như thế này làm sao có được những tâm hồn phát tâm xuất gia hướng thượng. Còn bây giờ mỗi lần ở trên đàn truyền giới, hay vào những buổi học của chúng Tăng; những buổi cơm quá đường, lòng tôi lại rộn hân lên một niềm vui, không bi quan như những gì trước đây tôi nghĩ là "tre tàn nhưng măng chằng mọc". Bây giờ riêng tại xứ Đức này càng mọc lên những mụn măng bụ bẫm nữa là khác. Điều ấy hẳn đáng mừng. Vì "chùa" thì phải có "chiền". Chiền này có nghĩa là truyền thừa ấy. Nếu không có kẻ truyền thừa thì xây chùa, tạo tượng, đúc chuông để làm gì?

Có những người trẻ khi đến với tôi, với chùa dĩ nhiên là họ có một lý tưởng rất đẹp trước khi xuất gia học đạo. Trong đó có những lý do chính là cảm niệm về sự vô thường qua sự chết chóc của người thân hay bạn bè mà phát tâm xuất gia học đạo. Cũng có người vì hiểu đạo mà phát tâm đi tu và cũng có nhiều người vì lý do này hay lý do khác; nhưng tựu chung tất cả đều là những lý do rất đẹp để trở thành kẻ "Phát túc siêu phượng, thân hình dị tục, thiện long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, thượng báo tứ ân, hạ tế tam hữu...". Nghĩa là như Tổ Quy Sơn đã dạy: Người đi xuất gia là người có một chân trời cao rộng, thân hình khác đời, nhằm làm hưng long dòng hạt thánh, nhiếp phục ma quân, trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ ba cõi...". Cứ thế và cứ thế người xuất gia được tôi luyện cho mình một tâm Bồ Đề vững mạnh như vậy.

Ngày nay tôi thấy tại chùa Viên Giác này ở nơi trai đường có nhiều khuôn mặt xinh xắn, tươi mát, rạng rỡ những nụ cười rất hiền hòa và giải thoát, khi ngồi vào bàn ăn hay lúc kinh hành nhiều Phật cũng đều như vậy. Nghĩa là chính tôi cũng được an lạc lây, qua cung cách, cử chỉ và sự tận tụy ấy.

Họ là ai? Họ là những sinh viên, học sinh, là những người có tay nghề cao mà đã dám bỏ tất cả để về chùa, xin Thầy cho xuất gia học đạo. Chịu khổ cực với những năm tháng tôi luyện để thành một Tăng sĩ. Quả thật họ là những người có chí.

Đề rồi ngày lại tháng qua, họ bước lên một bước nữa sau khi đã được thế phát xuất gia, cứ thế và cứ thế chiếc hoàng y đã gói trọn đời họ vào chôn tu hành. Không phải gói chặt xác bướm như chú tiểu Lan đã chôn trọn mối tình với Diệp, mà là một cuộc đời thanh thoát tự chọn ở chôn Thiền Môn. Đó là những kẻ không biết thức tỉnh kịp thời.

Mới đây tôi có dịp ra vườn, đi qua Cốc Vô Thức rồi sang đến Cốc Vô Học, tình cờ tôi phát hiện một con chim đã chết khô queo bên cạnh cánh cửa sổ. Nào ruồi xanh, ruồi đen bu đậu chung quanh. Tôi gọi một em làm công quả đến để chỉ cho em ấy xem về hiện thật của cuộc đời và trước khi đem xác chim ấy đi chôn, tôi đã nói với em ấy rằng:

"Cuộc đời chúng ta cũng sẽ giống như xác thân của con chim ấy thôi. Nếu khi sống mà chẳng làm được một việc gì hữu ích cho nhân quần, xã hội, cho đạo pháp, cho cuộc đời thì khi gió đã trả về cho gió, lửa trả về cho lửa, nước trả về cho nước, thì đất kia lại cũng chôn chính thân mình, để cát bụi phải trở về với cát bụi mà thôi! Đời người ngắn ngủi lắm. Vậy phải làm một cái gì đó!!!". Em làm công quả không phản ứng lại những lời nói, mà đã làm lũi đem xác con chim để đi chôn. Trong khi đó tôi tụng cho con chim kia 3 biến kinh vãng sanh.

Cuộc sống này nó cũng chỉ đơn giản thế thôi. Có đến thì phải có đi. Có còn thì có mất, có kẻ được thì phải có người thua... Nhưng nếu ai đó biết chấp nhận và vượt qua những thị phi nhân nghĩa của cuộc đời thì kẻ đó thật là kẻ đáng quý kính biết dường bao.

Bây giờ thế hệ trẻ đã đến chùa với Đạo và Chùa. Tôi biết trong số ấy có những em đang học Lăng Nghiêm để chuẩn bị thử thách tâm mình là có thành thật phát tâm xuất gia không? Có những em gái, em trai tuổi 18, 20 rất xinh xắn, tươi mát. Có những nụ cười tươi khi dọn dẹp, khi tụng kinh, khi học hỏi. Tôi có bảo: "Khi các con xin ba mẹ đi về chùa là ba mẹ mừng lắm. Vì tuổi ấy mà xin đi đâu thì ba mẹ lo, chứ xin đi chùa là ba mẹ sẽ mừng. Vì biết rằng con mình không làm những điều xấu. Nếu không đi tu lâu dài được thì ít ra cũng gặp được những

ý trung nhân tốt tại chùa, qua việc quen biết. Như thế ba mẹ lại càng vui hơn". Bây giờ chúng Đại Bi ấy qua sự hướng dẫn của Sư Chú Hạnh Giả và quý Chú khác đã có khoảng 40 em như thế. Đây là một kết quả đáng mừng, mà ở ngoại quốc này khó tìm được những tâm hồn biết hướng thượng như vậy.

Con đường tình vẫn là con đường rộng mở; nhưng là con đường tục lụy của chốn trần gian. Dĩ nhiên khi còn trẻ đã có lắm người muốn phát tâm xuất gia; nhưng vì gia đình không đồng ý, hay bị ép buộc dựng vợ gã chồng nên đã bỏ lỡ đi một cơ hội. Đến khi về già rồi mới mong tiếp tục đường tu, thì lúc ấy mắt đã mờ và tai đã điếc rồi. Quả là uổng phí cả một thời gian của tuổi xuân xanh.

Có người bảo: Phải chi 40 năm về trước tôi đi tu thì bây giờ tôi đã lên Thượng Tọa, Hòa Thượng. Điều ấy không sai; nhưng có chữ: Nếu, phải chi, nhưng... ở trước một mệnh đề, thì những việc ấy cũng cần xét lại.

Ngày nay các em đi xuất gia có một sự chọn lựa tương đối kỹ. Ví dụ như khi mình vào chùa ấy sẽ học được những gì? Vị Thầy mà các em theo đó có lưu tâm về sự học, sự tu không? Hay đi tu chỉ để có làm việc chùa? Ở chùa đó có môi trường tu học hay không? v.v... và v.v... dĩ nhiên chỗ Thầy trò là chỗ nhân duyên, chứ không phải ai muốn đi tu là cũng được.

Vua Càn Long của nhà Thanh bên Trung Hoa có bảo rằng: "Cuộc sống của một ông Vua chưa bằng nửa chiếc y vàng của một Tăng sĩ". Quả đúng như vậy. Vì chiếc y vàng ấy tượng trưng cho sự giải thoát. Chứ chốn vương quyền kia tuy có quyền sanh sát trong tay; nhưng đối diện chỉ là bốn bức tường thành vô tri, vô giác. Chỉ có bầm thura, gọi dạ bảo vâng. Chứ làm sao có được một chân trời cao rộng như người Tăng sĩ được. Hoặc giả khi vua Trần Nhân Tông của Việt Nam chúng ta trước khi rời bỏ ngai vàng để đi xuất gia. Nhà vua đã bảo: "Trẫm xem ngai vàng như một đôi dép rách". Quả thật là lời tuyên bố quả quyết ấy chỉ có một không hai trong lịch sử của chốn thiền môn.

Ai ý niệm được vô thường, sanh diệt ấy, thì người đó xứng đáng đi trên lộ trình thiên lý của người hành Bồ Tát đạo, phát tâm Bồ Đề rộng lớn để cứu độ chúng sanh. Còn nếu ai vẫn ham vui nơi bẽ ái, sông mê thì kiếp nhân sinh ấy luống trôi đi một cách nhanh chóng không có lời tiếc than nào đáng ghi lại cả. Chỉ giống như xác con chim bên cạnh cửa sổ của Vô Học Cốc mà thôi. Thân này mà không tu, khi chết đi rồi cũng chỉ để cho giòi, bọ đục khoét, nào có ích gì.

Tôi nói thế cũng chẳng phải khuyên mọi người phải bỏ cuộc sống bình thường để đi vào chùa xuất gia làm Tăng Lữ hết đâu. Như vậy chắc chùa cũng không đủ chỗ chứa, mà hãy ý niệm sự thật trong cuộc sống là không có gì thực tướng cả. Tất cả chỉ là giả danh mà thôi. Như trong kinh Kim Cang, Phật đã dạy: Phạm sở hữu tướng giai thị hư không. Nghĩa là tất cả cái gì có hình tướng đều là không thật. Hiểu và biết cũng như thực hành được điều này, quả là điều quý giá biết bao. Còn hơn là ở trên ngai vàng mà chẳng hiểu ta, người là gì, thì thật là vô dụng.

Ngày nay sau hơn 40 năm tu tập ở cửa không và hơn 40 đệ tử xuất gia đã được độ, tôi thấy mình đã nhẹ gánh lo âu của những năm tháng về trước khi mới đặt chân đến xứ Đức này. Dĩ nhiên là tôi không có gì để thất vọng cả. Tuy nhiên niềm hy vọng vẫn là chất liệu dưỡng sinh trong cuộc sống của mình và chính sự hy vọng ấy đã nuôi tôi trưởng thành và tồn tại cho đến ngày nay. Đó là ơn của Tam Bảo và của Đản Na Thí Chủ.

Một mai này tôi cũng phải ra đi, vùi thân này vào lòng đất lạnh với chiếc y vàng. Dĩ nhiên tôi sẽ rất vui vì phía trước, phía sau tôi vẫn còn có nhiều con người đã đương và sẽ khoác lên mình màu y giải thoát ấy để cứu độ nhân sinh ra khỏi chốn khổ của thế nhân mà thơ văn đã có lần nói đến:

"Bể khổ mệnh môn ngưng giọt trời
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió
Chung cuộc rồi trong bể khổ thôi".

Cái khổ chùa thế nhân là thế đó và cái an lạc, hoan hỷ của người xuất gia thì quý vị đã rõ rồi. Hãy tự mình chọn lựa cho mình con đường đúng để mà đi. Kéo mấy mươi năm sau lại có người trách móc rằng: Giá như hồi đó. Nếu mà lúc ấy, v.v... thì chắc rằng phải chờ đến kiếp lai sinh, mà để gì có thể làm người trở lại để khoác lên mình một chiếc hoàng y ?

Viết bài này để vinh danh những người trẻ đã biết tự chọn cho mình một lối đi, mà lối đi ấy tuy có chông gai thử thách đó; nhưng là một lối đi giải thoát luân hồi. Còn cuộc đời vốn đa diện, biết đâu ta phải bị lọt vào hố sâu nguy hiểm thì ai là người có thể vớt ta ra khỏi những chôn đọa đây ấy!

Riêng mình cảm thấy rất vui, vì đường mình đi đã đương và sẽ có nhiều người nối bước và hy vọng chiếc hoàng y ấy sẽ trải rộng như bóng y của Đức Phật A Di Đà trong truyện cổ Việt Nam về sự tích của Cây Nêu Ngày Tết thì sanh chúng sẽ được nhờ.

Viết xong vào một chiều thu năm 2004 tại thư phòng chùa Viên Giác,
Hannover - Đức Quốc.